

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 3 - 2026
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Dung;

Ông Trần Văn Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Q**, sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên, địa chỉ chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu 3, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Căn cước công dân số 034195003740 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội– Bộ Công an cấp ngày 25/4/2021.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Kiên C**, sinh năm 1989, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 48, đường B, xã T, tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân số 034089012602 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 01/4/2021.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Kiên C đăng ký kết hôn ngày 01/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là

UBND xã H, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q và anh C chung sống với gia đình anh C tại thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên được một thời gian thì hai vợ chồng đi làm ăn sinh sống ở các tỉnh ngoài và cuối cùng làm ăn sinh sống ở tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chị Q anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do nguyên nhân kinh tế gia đình không ổn định, không minh bạch; chị Q, anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay (anh C đi ra tỉnh Bắc Giang, nay là tỉnh Bắc Ninh để làm ăn, chị Q cùng hai con ở lại tỉnh Quảng Ninh), vợ, chồng không có quan hệ với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, bạn bè và người thân đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh C không còn, chị Q đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên giải quyết cho chị Q được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Q và anh C có 02 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/10/2014 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/7/2024, hiện nay 02 con chung đang sống chung cùng chị Q tại tỉnh Quảng Ninh. Ly hôn, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị Q được trực tiếp nuôi 02 con chung, chị Q không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q. Hiện nay chị Q đang làm tại Công ty cổ phần X; địa chỉ: Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh mức lương từ 6.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng và làm thêm nhân viên bán hàng tại Hộ kinh doanh H; địa chỉ: số nhà G, tổ D, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh lương thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Kiên C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, địa chỉ chỗ ở hiện nay như chị Q trình bày là đúng, anh C bổ sung thêm về nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, trong thời gian chung sống ở tỉnh Quảng Ninh vì lo cho kinh tế gia đình nên khi chị Q đi làm, anh C ở nhà trông nom con cái nên có tham gia đầu tư tiền để chơi chứng khoán trên mạng Internet nên phải vay tiền để chơi và mất trên 200 triệu đồng hiện nay đang lao động để lấy tiền trả nợ vì đây là khoản nợ riêng của anh C, nhưng chị Q không thông cảm cho anh C nên mâu thuẫn của vợ chồng trở nên căng thẳng, bạn bè, người thân hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh C xác định đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị Q vẫn còn, anh C xin đoàn tụ, nhưng nếu chị Q cứ cương quyết xin ly hôn thì anh C chấp nhận đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về quan hệ con chung: Anh C thừa nhận về số con, tên, tuổi của các con chung như chị Q trình bày là đúng, hiện nay hai con chung đang sống chung cùng

chị Q, con Nguyễn Bảo K đang học tại Trường tiểu học V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh còn con Nguyễn Minh K1 hiện nay được 20 tháng tuổi đang ở với chị Q và được chị Q và mẹ đẻ chị Q chăm sóc tại tỉnh Quảng Ninh, từ khi sống ly thân với chị Q (khoảng tháng 8/2024) đến nay do bận mải làm ăn nên anh C chưa lần nào về thăm các con tại tỉnh Quảng Ninh, chỉ gọi điện hỏi thăm và gửi tiền về cho chị Q để chị Q trực tiếp nuôi các con, nếu ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh C được nuôi con Nguyễn Bảo K, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh K1, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau, anh C không đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi 02 con chung, anh C hiện nay đang là lao động tự do, bán hàng ăn từ 08 giờ đến 22 giờ hằng ngày, tại địa chỉ: Số 48, đường B, xã T, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú của các đương sự: UBND xã H cung cấp, chị Q anh C đều có hộ khẩu thường trú tại xã H, tỉnh Hưng Yên, chị Q và anh C có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên), hiện nay chị Q và anh C không có mặt tại địa phương mà đi làm ăn ở tỉnh ngoài. Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Q và anh C cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị Q xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, chị Q và anh C có 02 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/10/2014 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/7/2024, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh C chị Q ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng cho hai cháu, địa phương không nắm được anh C chị Q có tài sản chung gì không, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nếu đương sự có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký phiên toà và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là LHNGĐ), chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Q được ly hôn với anh C; về quan hệ con chung, giao cả hai con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận việc chị Q không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản, các đương sự không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết; về án phí,

nguyên đơn chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự trong thời hạn luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Q xin ly hôn với bị đơn anh C, anh C có địa chỉ tại xã H, tỉnh Hưng Yên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Q và bị đơn anh C tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 01/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn chị Q và anh Chung C về sống chung cùng với gia đình anh C, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn chị Q trình bày là do không đồng thuận trong làm kinh tế, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C không quan tâm đến vợ và con; anh C trình bày mâu thuẫn là do anh làm ăn kinh tế thua lỗ nên dẫn đến anh C nợ nần người khác, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị Q và anh C đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm tháng 8/2024 đến nay, không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, bạn bè, người thân đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành; nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn chị xin được ly hôn với anh C, anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Q vẫn còn anh C xin đoàn tụ, nhưng nếu chị Q cương quyết xin ly hôn anh C, thì anh C đồng ý ly hôn với chị Q. Điều đó chứng tỏ giữa chị Q và anh C, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân giữa chị Q và anh C vì thế đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, HĐXX thấy rằng cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Q, anh C có 02 con chung là Nguyễn Bảo K sinh ngày 24/10/2014 và Nguyễn Minh K1 sinh ngày 26/7/2024, hiện nay hai con đang ở cùng chị Q tại Quảng Ninh. Ly hôn, chị Q xin được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con; anh C xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Bảo K, con Nguyễn Minh K1 mới 20 tháng tuổi để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con

cho nhau. HĐXX thấy rằng chị Q và anh C đều có sức khỏe, có điều kiện, khả năng để nuôi con, nhưng chị Q đã xuất trình cho Tòa án được các tài liệu, chứng cứ về công việc làm và thu nhập của chị Q hiện tại tại tỉnh Quảng Ninh, chị Q đang có chỗ ở ổn định tại tỉnh Quảng Ninh lại được mẹ đẻ của chị Q hỗ trợ trong việc chăm sóc con cái, còn anh C sau thời gian tham gia chơi chứng khoán trên mạng Internet cá nhân hiện còn nợ tiền người khác và anh C đang phải lao động lấy tiền trả nợ, anh C làm nghề kinh doanh hàng ăn uống tại địa chỉ: Số 48, đường B, xã T, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang phải làm việc từ 08 giờ đến 22 giờ mỗi ngày, anh C khai là thu nhập hàng tháng khoảng 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng do là hộ kinh doanh giao dịch bằng tiền mặt, nên anh C không có tài liệu chứng cứ gì để xuất trình cho Tòa án để chứng minh về thu nhập hàng tháng hiện nay của anh C, mặt khác con Nguyễn Bảo K là nữ giới và đang học ổn định tại Trường trung học cơ sở V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Điều đó chứng tỏ rằng, điều kiện, khả năng, sự gắn bó, thân thiết trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Q là hơn anh C. Vì vậy, HĐXX nhận thấy căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con Nguyễn Bảo K và Nguyễn Minh K1, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 của LHNGĐ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu về nuôi con của chị Q, giao 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Q không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, chị Q và anh C có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn chị Q và Bị đơn anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên HĐXX không đặt ra giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của BLTTDS; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS, nguyên đơn chị Bùi Thị Q và bị đơn anh Nguyễn Kiên C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Bùi Thị Q được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Kiên C.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 24/10/2014 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/7/2024 cho nguyên đơn chị Bùi Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Q không yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Kiên C đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, chị Q và anh C có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

4. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000443 ngày 22/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Q và bị đơn anh Nguyễn Kiên C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã H, Hưng Yên;
- Lưu: hồ sơ VA , vp TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng